TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 93/2025/DS-ST
Ngày: 21-5-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Bạch Gương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Mỹ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lan Hương – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 633/2024/TLST- DS ngày 26/12/2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2025/QĐXXST-DS ngày 18/04/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2025/QĐST- DS ngày 05/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T1 (Việt Nam)

Địa chỉ: Số I P, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lee Yun H, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần La Ngọc H1, trưởng phòng tố tụng (vắng mặt)

(theo Quyết định ủy quyền nhân sự ký tài liệu số 162/2024/QĐ-MAFC, ngày 02/4/2024)

Người được nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng: Công ty L

Địa chỉ: Số B L, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

(theo Hợp đồng ủy quyền số 09/2024/GUQ-MAFC, ngày 02/5/2024)

Người đại diện hợp pháp của người được ủy quyền: Ông Cồ Lê H2, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T – Nhân viên công ty (theo Giấy ủy quyền số 291/GUQ-2024, ngày 10/12/2024)

Ông Nguyễn Đức T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số B đường Đ, tổ H, khu phố V, phường P, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trình bày:***

Ngày 22/03/2021, giữa Công ty T1 (Việt Nam) (viết tắt là Công ty T1) và ông Trần Văn D ký "Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng" số 2121456 (viết tắt là Hợp đồng 2121456) với nội dung:

+ Công ty T1 cấp tín dụng cho ông D khoản vay trị giá 31.650.000 đồng, bao gồm khoản vay 30.000.000 đồng và phí bảo hiểm 1.650.000 đồng. Mục đích là vay sửa nhà;

+ Thời hạn vay 36 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 20/3/2024. Các bên thỏa thuận số tiền phải trả hàng tháng và ngày thanh toán như sau: Ngày 20/4/2021 trả số tiền 1.726.958 đồng; từ ngày 20/5/2021 đến ngày 20/02/2024 trả 1.714.958 đồng/tháng và ngày 20/3/2024 trả 640.654 đồng.

+ Lãi suất hàng tháng quy định 4.17%; tương đương 50%/ năm.

Ngoài ra Hợp đồng còn thỏa thuận về phí trả nợ trước hạn, lãi suất tính trên nợ gốc, nợ lãi trong trường hợp không trả hoặc trả không đầy đủ khi đến hạn thanh toán, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và lãi suất trên tiền lãi chậm trả.

Thực hiện hợp đồng, ngày 26/3/2021 nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền 31.650.000 đồng, gồm khoản vay 30.000.000 đồng và đóng phí bảo hiểm 1.650.000 đồng.

Từ ngày 19/04/2021 đến ngày 21/9/2022, ông D đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 31.089.500 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc 10.743.959 đồng, tiền lãi trong hạn 20.125.649 đồng, phí 215.241 đồng và tiền lãi chậm trả 5.015 đồng. Từ ngày 01/8/2023, ông D1 thanh toán khoản tiền nào cho nguyên đơn.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu ông D phải thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 03/7/2024 là 43.559.364 đồng (gồm tiền gốc, tiền lãi trong hạn chưa thanh toán, tiền lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả)

Tuy nhiên, sau đó phía nguyên đơn yêu cầu ông D phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (21/5/2025) với tổng số tiền 60.175.038 đồng,

gồm: Số tiền nợ gốc: 20.906.405đồng; số tiền lãi phát sinh trong hạn: 8.876.535 đồng; số tiền lãi quá hạn: 28.526.645 đồng và số tiền lãi chậm trả: 1.865.453 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn còn buộc ông D phải tiếp tục thanh toán tiền lãi và các khoản phí phát sinh kể từ ngày 22/5/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 2121456.

* ***Bị đơn ông Trần Văn D vắng mặt.***

* ***Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:***

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại "Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng". Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Theo giấy "Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng" số 2121456, ngày 22/3/2021 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện bị đơn vay tiền của nguyên đơn với mục đích vay tiêu dùng. Bị đơn có địa chỉ tại: Số B đường Đ, tổ H, khu phố V, phường P, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do đó, xác định vụ việc thuộc loại quan hệ "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Mỹ, quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt

không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nội dung giải quyết.

[2.1] Giấy "Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng" số 2121456, ngày 22/03/2021 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận giữa các bên có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2.1] Đối với số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhận thấy trong quá trình thực hiện Hợp đồng, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể việc trả nợ gốc và lãi trong hạn không thực hiện đúng kỳ thanh toán như thỏa thuận tại Mục 3.6 Phần B Hợp đồng tín dụng. Bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn được 18 kỳ (gồm các ngày 19/4/2021; 24/5/2021; 21/6/2021; 20/7/2021; 20/8/2021; 20/9/2021; 20/10/2021; 22/11/2021; 20/12/2021; 20/01/2022; 20/02/2022; 21/3/2022; 20/4/2022; 20/5/2022; 21/6/2022; 20/7/2022; 22/8/2022; và 21/9/2022 với tổng số tiền 31.089.500 đồng, trong đó tiền nợ gốc 10.743.959 đồng, tiền lãi trong hạn 20.125.649 đồng, phí 215.241 đồng và tiền lãi chậm trả 5.015 đồng. Từ ngày 22/9/2022, phía bị đơn đã không thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền nào.

Như vậy sau khi trừ đi các khoản tiền đã trả thì số tiền nợ gốc, tiền lãi góp của mỗi kỳ bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là:

+ Tiền nợ gốc 31.650.000 đồng – 10.743.959 đồng = 20.906.405 đồng.

+ Tiền nợ lãi góp mỗi kỳ (tính từ kỳ 19 đến kỳ 36) là 8.876.535 đồng.

[2.2.2] Đối với số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn:

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất quá hạn là 150% (tính trên lãi suất năm, số dư nợ gốc phải góp mỗi kỳ chưa trả và số ngày trễ hạn) theo thỏa thuận tại Mục 8.3 Phần B Hợp đồng tín dụng.

Căn cứ báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng do nguyên đơn cung cấp nhận thấy từ ngày 20/10/2022 đến ngày 20/3/2024, các khoản nợ gốc phải góp mỗi kỳ mà bị đơn chưa trả đã được chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 21/5/2025, tổng số tiền lãi quá hạn trên số dư nợ gốc bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 28.526.645 đồng.

[2.2.3] Đối với số tiền lãi chậm trả:

Như đã phân tích tại Mục [2.2.1], tính đến ngày 21/5/2025 bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền lãi góp của 18 kỳ là 20.125.649 đồng, còn lại 18 kỳ chưa thanh toán. Do đó bị đơn phải chịu lãi chậm trả là 10% (tính trên số dư lãi chậm trả và số ngày trễ hạn) theo thỏa thuận tại Mục 8.3 Phần B Hợp đồng tín dụng.

Căn cứ báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng do nguyên đơn cung cấp, tính đến ngày 21/5/2025, tổng số tiền lãi chậm trả trên số tiền lãi góp của 18 kỳ bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 1.865.453 đồng.

[2.2.4] Đối với bị đơn ông Trần Văn D:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng cho ông Trần Văn D theo quy định. Tuy nhiên ông D2 vắng mặt, không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không cung cấp văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, xét thấy các khoản tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán do vi phạm nghĩa vụ là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và lãi chậm trả phát sinh từ "Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng" số 2121456, tính đến ngày 21/5/2025 với tổng số tiền 60.175.038 đồng. Bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền lãi và phí phát sinh tính từ ngày 22/5/2025 cho đến khi bị đơn hoàn thành các nghĩa vụ phải thanh toán theo Hợp đồng số 2121456, ngày 22/3/2021.

[3] Về án phí

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 60.175.038 đồng x 5% = 3.009.000 đồng (làm tròn)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 (Việt Nam) đối với bị đơn ông Trần Văn D.

Buộc ông Trần Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T1 (Việt Nam) toàn bộ số tiền nợ phát sinh từ "Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng" số 2121456, ngày 22/3/2021 tính đến ngày 21/5/2025 là 60.175.038đ (Sáu mươi triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, không trăm ba mươi tám đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 20.906.405đ (Hai mươi triệu, chín trăm lẻ sáu nghìn, bốn trăm lẻ năm đồng); tiền nợ lãi góp trong hạn 8.876.535đ (Tám triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm ba mươi lăm đồn); tiền lãi quá hạn 28.526.645đ (Hai mươi tám

triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm bốn mươi lăm đồng); tiền lãi chậm trả 1.865.453đ (Một triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn, bốn trăm năm mươi ba đồng)

Kể từ ngày 22/5/2025, ông Trần Văn D còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi và phí phát sinh cho Công ty T1 (Việt Nam) cho đến khi hoàn thành xong các nghĩa vụ phải thanh toán theo thỏa thuận tại "Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng" số 2121456, ngày 22/3/2021.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn D phải chịu 3.009.000đ (Ba triệu, không trăm lẻ chín nghìn đồng).

H3 lại cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền 1.138.000đ (Một triệu, một trăm ba mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004151, ngày 29/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ (nay là thành phố P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thành phố Phú Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Nghĩa